

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 710/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ
- Bà Hồ Thị Thanh Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2005/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 797/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2271/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện P (nay là xã Đ), Thành phố Hà Nội (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1991

Địa chỉ: số D Đường D, Khu phố A, phường H, thành phố T (nay là Khu phố F, phường H), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 27/4/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T1 thường xuyên đi làm về muộn, khi về đến nhà không chia sẻ việc

nhà với bà, chỉ cầm điện thoại chơi game. Đến khoảng tháng 4 năm 2024, bà phát hiện ông T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông T1 hứa hẹn nhiều lần sẽ chấm dứt nhưng vẫn không thay đổi. Tháng 6 năm 2024 do cảm thấy không thể tiếp tục chung sống cùng với ông T1 được nữa nên bà quyết định chuyển ra ở riêng để có thể ổn định lại công việc và cuộc sống. Đến nay vợ chồng đã ly thân, cả hai không còn tình cảm yêu thương và tôn trọng lẫn nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Văn T1.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Văn T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập ông T1 đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của ông T1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Lê Văn T1. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Văn T1 cư trú tại địa chỉ số D Đường D, Khu phố F, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm

quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; bà Nguyễn Thị Tin yêu C được ly hôn với ông Lê Văn T1, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn T1: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 29/8/2025 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 27/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T1 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông T1 vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến ông T1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã xảy ra những mâu thuẫn do không có sự hòa hợp. Đến nay đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn gần gũi, chăm sóc lẫn nhau. Bản thân bà T đã chủ động tách ra sống riêng và không có mong muốn hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình. Bên cạnh đó ông T1 đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T1 không đến đã thể hiện tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Văn T1 theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: không có

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà T phải chịu.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T :

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Văn T1.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 27/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0043263 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- UBND xã X,
- tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu

